

TIẾN BỘ KỸ THUẬT LÀ CHIẾC CẦU NỐI GIỮA KHOA HỌC VỚI SẢN XUẤT

NGUYỄN THIÊN

Qua phân tích sản xuất trong hơn 10 năm qua của tác giả cho thấy chăn nuôi phát triển nhanh hơn trồng trọt và có khả năng phát triển mạnh hơn nữa. Các KTTB đã đưa vào sản xuất chưa có KTTB lớn làm thay đổi mạnh mẽ sự phát triển của ngành chăn nuôi nhưng do nhiều TBKT đã được ứng dụng cũng đã làm cho chăn nuôi có bước phát triển khá. Các KTTB trong tương lai có thể đưa vào sản xuất còn phụ thuộc vào cơ chế chính sách, bảo hiểm và hỗ trợ của Nhà nước vì địa bàn ứng dụng KTTB chủ yếu là ở nông dân. Công tác thú y và chế biến thức ăn hỗn hợp cần được tăng cường song song với công tác giống để chăn nuôi phát triển nhanh, mạnh và đồng bộ hơn, phát huy thế mạnh, thúc đẩy việc thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm của Đảng.

TRÌNH độ khoa học và kỹ thuật của một nước, như người ta nói không phụ thuộc vào số lượng các nhà khoa học mà phụ thuộc vào khả năng áp dụng các KTTB của quốc gia đó như thế nào.

Ngày nay, các nước có nền công nghiệp phát triển cũng đều có nền nông nghiệp phát triển và họ có khả năng áp dụng rất nhanh các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp.

Trong 11 năm qua, nông nghiệp nước ta tăng 144,3%, công nghiệp tăng nhanh hơn: 187,3%. Bảy năm trước đây so với tổng sản phẩm xã hội nông nghiệp chiếm 40% thì ngày nay chỉ còn 36,07%. Ngành nông nghiệp đang bị thu hẹp dần dành chỗ cho công nghiệp phát triển.

Nói riêng ngành nông nghiệp, 11 năm qua trồng trọt tăng 132,9% chăn nuôi tăng 190,4%. Như vậy tốc độ phát triển ngành chăn nuôi nhanh và mạnh hơn tốc độ phát triển ngành công nghiệp và ngành trồng trọt.

Đây là một suy nghĩ cho các nhà nghiên cứu và lãnh đạo ngành nông nghiệp nước ta đánh giá như thế nào về ngành chăn nuôi. Số liệu sau đây cho ta biết về cơ cấu của ngành chăn nuôi:

Tổng giá trị sản phẩm xã hội: Quốc doanh chiếm 1,2%; tập thể chiếm 2,1% tư nhân chiếm 96,7%. Như vậy nền chăn nuôi nước ta hiện nay đang nằm trong tay tư nhân (mà đại đa số công

dân là tàn mạt, thiếu biện pháp tổ chức lao động hợp lý, do đó năng suất lao động thấp và thị trường nông thôn không phải là thị trường lớn và linh hoạt). Nhưng cũng khẳng định rằng: kỹ thuật tiến bộ phải đưa vào nông dân là chính.

Điều đáng quan tâm ở đây là muốn TBKT đi vào sản xuất, phải nói đến vấn đề phân bố lao động hợp lý để năng suất lao động được nâng cao.

Nước ta hiện nay có 64,4 triệu người. Trong đó tổng số lao động là 27,97 triệu. Khu vực sản xuất vật chất 26,05 triệu thì ngành nông nghiệp chiếm 20,25 triệu (tức 77,73%) lao động.

Ở đây cho thấy nước ta là một nước nông nghiệp thuần túy.

Trong số lao động nông nghiệp, quốc doanh và công tư hợp doanh có 0,45 triệu lao động (chiếm 2,2%) còn lại 97,8% là xã viên HTX và tư nhân.

Lực lượng lao động bị thu hút vào ngành nông nghiệp như vậy, nhưng năng suất lao động rất thấp: tỷ trọng tổng sản phẩm xã hội của ngành nông nghiệp chỉ có 36,07% (trong khi lực lượng lao động chiếm 77,73%), còn 65,03% do 22,27% số lao động còn lại tạo ra và nắm giữ.

Ở đây nổi bật vấn đề: năng suất và tổ chức lao động nông nghiệp cần phải được giải quyết mà TBKT là yếu tố tham gia quan trọng.

Theo thống kê năm 1988, hiện nay nước ta có xấp xỉ 6 triệu trâu bò (trâu 2,81 triệu con, bò 3,12 triệu). Tổng số lợn 11,65 triệu con (không kể lợn sữa) và 96,01 triệu gia cầm (trong đó 72,04 triệu gà, 21,57 triệu vịt và 2,40 triệu các loại gia cầm khác).

Điều mà ai cũng nhận rõ là: trong chăn nuôi, chi phí thức ăn chiếm xấp xỉ 70% giá thành sản phẩm. Do đó giữa chăn nuôi và trồng trọt có mối quan hệ rất khăng khít với nhau. Tình hình lương thực ở nước ta hiện nay bình quân đầu người tuy trên dưới 300 kg, nhưng đã có điều kiện dễ phát triển chăn nuôi. Ngô là thức ăn quan trọng của ngành chăn nuôi thì lại chỉ có 12kg/người cho nên muốn chăn nuôi phát triển cần đẩy mạnh trồng ngô, nhất là ngô vụ đông. Với dân số cứ tiếp tục tăng hàng năm 2,1% và năng suất lúa toàn quốc đạt 27 - 28 tạ/ha 1 vụ (đồng bằng sông Hồng) 28,3; sông Cửu Long 29,2 tạ/ha), ngô toàn quốc đạt 13,8 tạ/ha), (hai trung tâm nông nghiệp ĐBSH 17,2 tạ/ha, sông Cửu Long 16,9 tạ/ha) thì mức 300 kg lương thực quy thóc cho 1 người dân trong các năm tới cũng không phải dễ dàng.

Do đó ngành chăn nuôi muốn phát triển phải đi sâu vào thâm canh: cân đối thành phần hỗn hợp thức ăn (trong đó có thức ăn bổ sung), nghiên cứu tận dụng phế phụ phẩm nông nghiệp và tiếp tục cải tạo giống vật nuôi để nâng cao tỷ lệ tiêu hóa thức ăn góp phần hạ giá thành sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa).

Cũng số liệu thống kê cho biết năm 1988 nước ta:

— Thịt lợn đạt 653 ngàn tấn, trung bình mỗi năm 10,2 kg thịt/người.

— Trâu đạt 33 ngàn tấn, trung bình mỗi năm 0,5kg thịt/người.

— Bò đạt 47 ngàn tấn, trung bình mỗi năm 0,7kg/người.

— Gia cầm 154 ngàn tấn, trung bình mỗi năm 2,4 kg/người.

Trứng gia cầm 1,8 tỷ quả, trung bình mỗi năm 28 quả/người.

Tổng số thịt hơi/người: 13,8 kg/năm

Tổng số thịt trên: — Thịt lợn chiếm 73,9%,

— Thịt bò chiếm 5,2%,

— Thịt trâu chiếm 3,7%

— Thịt gia cầm chiếm 17,4%

Nếu so sánh với một số nước ta thấy như sau:

Ở Thái Lan: tiêu thụ thịt 14,7kg/người (gần tương đương với ta), trong đó thịt gia cầm chiếm 36,1% (ở ta 17%), thịt trâu bò chiếm 29,9% (ở ta 8,9%).

— Nam Triều Tiên: 12,4 kg thịt/người (ít hơn ta), trong đó thịt gia cầm chiếm 20,2%, thịt trâu bò chiếm 31,5%.

— Nhật Bản tiêu thụ 30,4 kg thịt/người, thịt gia cầm chiếm 36,2%, trâu bò chiếm 18,4%.

— Ấn độ tiêu thụ có 5 kg thịt/người, trong đó thịt gia cầm chiếm 40%.

— Mỹ tiêu thụ 106,3 kg thịt/người, trong đó thịt gia cầm 29,6 kg, thịt bò 48,4 kg (45,5%).

Qua số liệu trên, ta thấy thịt gia cầm và thịt bò còn chiếm tỷ lệ rất ít so với các nước láng giềng quanh ta.

Đồng thời so với thế giới, thịt gia cầm (thịt gà) ở nước ta luôn luôn đắt hơn thịt lợn (thịt thành phẩm của gà hiện nay khoảng 7000đ/1kg, trong khi đó giá thịt gà trên thế giới thường chỉ bằng 40 - 50% so với giá thịt lợn).

Số liệu trên cho thấy địa bàn TBKT trong chăn nuôi gia cầm và trâu bò (nhất là bò thịt) là địa bàn có tiềm năng nếu nhìn theo cơ chế hàng hóa thị trường thế giới.

NHỮNG TBKT ĐÃ ĐƯA VÀO SẢN XUẤT VÀ KHẢ NĂNG ĐƯA TBKT VÀO SẢN XUẤT TRONG NHỮNG NĂM TỚI

1. Những TBKT đã đưa vào sản xuất.

Có thể nói chưa thể có một TBKT nào làm đảo lộn nền kinh tế chăn nuôi ở nước ta. Nhưng thực tế, như góp gió thành bão, nền chăn nuôi nước ta đã có bước ngoặt tiến bộ kỹ thuật do nhiều tiến bộ kỹ thuật đồng góp. Trong đó có 2 KTTB quan trọng bậc nhất, đó là: KTTB về lợn lai kinh tế mà thụ tinh nhân tạo là nhân tố quyết định quan trọng và KTTB về thức ăn hỗn hợp cho chăn nuôi đã thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển (nhất là lợn và gia cầm).

Hai KTTB này đã trở thành phổ thông, đương nhiên, không thể thiếu được trong ngành chăn nuôi ngày nay của nước ta. Hai KTTB này không những được hầu hết lao động nông nghiệp áp dụng mà các thành phần kinh tế khác cũng áp dụng.

Trong việc áp dụng KTTB này, thú y, vệ sinh gia súc, nhất là việc phòng ngừa các bệnh dịch tả lợn, bệnh đóng dấu, tân thành gà, dịch tả trâu bò... đã là những đóng góp hết sức to lớn, tích cực góp phần an toàn sản xuất thúc đẩy chăn nuôi nước ta phát triển.

2. Một số tiến bộ kỹ thuật đang được đưa vào sản xuất:

— Lai Hybrid để nâng cao tỷ lệ nạc:

Do năm bắt nhu cầu của thị trường thiên về hướng nạc, các năm gần đây Viện chăn nuôi đã đầu tư lớn để phát triển TBKT này.

Đã xây dựng Trạm khảo sát dực giống: đối với các nước phương Tây, họ đã làm việc này cách đây hàng trăm năm. Ở nước ta vào đầu

những năm 1980 này mới được tiến hành tại Viện Đây là cơ sở quan trọng của hệ thống giống. Sau lai kinh tế đã được áp dụng đại trà trong dân, lai Hydrin 3 máu cũng đã và đang vào dân để nâng cao tỷ lệ nạc. Các năm qua đã đưa vào mỗi năm trên 100 lợn đực giống để kiểm tra năng suất chất lượng. Riêng 6 tháng đầu năm nay đã đưa vào sản xuất: 81 lợn đực giống. Nếu mỗi lợn đực trung bình phụ trách 100 lợn cái (1000 lợn nái đối với thụ tinh nhân tạo và 50 lợn cái đối với phối trực tiếp) và sử dụng con đực 2 năm thì hàng năm 40 ngàn lợn nái đang từng bước được làm nền để tăng hiệu quả kinh tế đàn con bằng những con đực có tỷ lệ thịt nạc cao.

Thành công công thức tạo dòng lợn nạc 45% bằng DBI — 81 lai với đực Landrace tổng hợp của Viện chăn nuôi đã và đang đi vào sản xuất. Để tăng tỷ lệ thịt nạc, các giống lợn: Đại bạch Nhật, Bì, Cu Ba; Landrace Nhật, Bì, Cu Ba, DBI — 81 đã và đang được cung cấp cho các địa phương. Riêng 6 tháng đầu năm 1989: Hà Nội: 10, Hà Bắc: 22, Quảng Ninh: 3, Tuyên Quang: 7, Hà Sơn Bình: 7, Hải Hưng: 10, Thái Bình: 6, Thanh Hóa: 4, Bắc Thái: 2, Hà Nam Ninh: 1.

Thị trường sản xuất theo hướng này còn đòi hỏi nhiều mà chúng ta vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

— Về vịt Anh Đào và vịt lai:

Các giống vịt đang có sức hấp dẫn thị trường đồng bằng Sông Cửu Long và vịt Anh Đào. Tại Gò Vấp và đồng bằng sông Cửu Long tổng đàn vịt Anh Đào sinh sản thuộc Viện chăn nuôi quản lý gần 10 ngàn con, hàng năm có thể sản xuất ra 400 ngàn vịt con Anh Đào thuần và tham gia tạo ra hàng triệu vịt lai.

Giá trị lớn nhất ở đây là chưa bao giờ ở Việt Nam lại có 1 đàn vịt Anh Đào với số lượng lớn như vậy nằm ngay trong sản xuất ở 4 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nơi mà 57,6% tổng số vịt của cả nước tập trung tại đây.

Vịt Anh Đào được Viện chăn nuôi nghiên cứu và từng bước đưa vào sản xuất từ 1972 đến năm 1986, sau 14 năm bao nhiêu lần trở, thấy lợi mà không đưa mạnh vào sản xuất được. Nghiên cứu mà không đưa mạnh vào sản xuất được là một tổn thất lớn. Sau khi nghiên cứu cơ chế hàng hóa thị trường, Viện quyết định triển khai tại Đồng bằng sông Cửu Long và hiện nay vịt Anh Đào rất được ưa chuộng (nhất là đồng vịt cho thịt cao), giá 25 — 30 ngàn đồng/1 vịt đực cũng đủ hiểu nhu cầu tiếp nhận TBKT như thế nào.

Ở phía Bắc, từ những năm 1976 Viện chăn nuôi đã đưa vịt Anh Đào cho Lai vịt nội ở Thanh Hóa, Hải Hưng, và nhiều nơi khác.

Chúng tôi đang mong rằng trong vòng 10 năm tới con vịt Anh Đào và vịt lai cũng sẽ phổ cập như con lợn thuần, lợn lai mà ta đã quen biết.

— Tiến bộ kỹ thuật về con ngỗng:

Các giống ngỗng địa phương ở nước ta chỉ cho sản lượng trứng 20 quả/mái. Trong khi lao động nông thôn đang dư thừa, cần có con gia súc gia cầm biết tận dụng thức ăn thô xanh trong hoàn cảnh thiếu lương thực hiện nay. Mặt khác thịt và lông ngỗng lại có giá trị xuất khẩu cao.

Viện chăn nuôi đã nghiên cứu giống Rheinland đưa sản lượng trứng từ 45 quả lên 64 quả/mái và đưa sản lượng trứng ở khu vực sản xuất đại trà từ 32 quả lên 48 quả/mái. Hiện nay đàn ngỗng mái có 5600 con.

Các nơi đang áp dụng: Kiều Kỳ, Phúc Thọ, Từ Liêm (Hà Nội) và Thanh Hóa.

Có nơi như Thanh Hóa, 1 gia đình chỉ nuôi 7 ngỗng mái, nhưng đã thu nhập được trên 1 tấn lúa (giao khoán 3,6 kg thóc/1 quả trứng có phôi).

Riêng 6 tháng đầu năm toàn bộ hệ thống ngỗng này đã sản xuất và đưa vào dân 70 ngàn ngỗng con để nuôi gia công.

Các nơi nuôi ngỗng con phần lớn đều được tập huấn: Đông Anh, Gia Lâm, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thanh Trì (Hà Nội), Văn Giang, Mỹ Hào (Hải Hưng), Quảng Xương, Hoàng Hóa, Đông Sơn (Thanh Hóa), Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Hà Bắc cũng bắt đầu tiếp thu TBKT này.

Năm nay Viện chăn nuôi đưa đàn ngỗng sinh sản tăng gấp 9 lần so với năm ngoái.

— Tiến bộ kỹ thuật về bò lai hướng thịt, sữa:

Đề có TBKT về ngành chăn nuôi bò, quả là khó khăn, thường là lâu dài và tốn kém.

Sau khi nghiên cứu thử nghiệm các giống bò thịt lai kinh tế: Charolais, Hereford, Limousin... Hiện nay TBKT bò thịt Charolais bắt đầu được áp dụng tại các huyện Ba Vì, Gia Lâm, Từ Liêm, Đông Anh, Mê Linh, Thanh Trì (Hà Nội), Đông Giao (Hà Nam Ninh), Hà Tam (Gia Lai — Kon Tum), Bình Định, Phú Yên...

Trong 6 tháng đầu 1989 đã phối 220 bò cái và đang có kế hoạch đẻ tạo ra 3000 bò lai thịt trong vài năm tới.

Sau TBKT về việc Sind hóa đàn bò vàng Việt Nam đã đạt kết quả tốt, việc nâng cao sản lượng thịt bò bằng công thức lai với bò Charolais sẽ là đóng góp tích cực cho việc phát triển bò thịt ở nước ta.

Viện đang có nhiều cơ chế thị trường để thúc đẩy TBKT này phát triển trong sản xuất.

— TBKT về chế biến phụ phẩm:

Lĩnh vực này khá phong phú và gồm các đối tượng sau đây:

Chế biến rơm rạ bằng phương pháp kiềm hóa làm thức ăn cho trâu bò: bò tăng trọng 8 - 9 kg/con/tháng.

Xử dụng mía và bã mía và các phụ phẩm của mía làm thức ăn cho gia súc.

Đang áp dụng các kết quả về chế biến thân cây ngô làm thức ăn cho trâu bò.

Chế biến, xử dụng thức ăn bổ sung, vi lượng, muối khoáng (viên đá liếm) làm thức ăn bổ sung cho trâu bò góp phần chống đỡ ngã trâu bò trong mùa đông.

— Tiến bộ kỹ thuật về gà Rhode Ri:

Viện thường xuyên duy trì đàn gà mái Rhode Ri 4000 con để cung cấp gà con giống, làm nguồn nguyên liệu để lai tạo các giống gà broiler khác (3/4, 7/8). Trong năm 1988, Viện đã cung cấp cho sản xuất 180 ngàn gà con cho các tỉnh: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Hưng, Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Bắc, Nghệ Tĩnh.

Ngoài các KTTB đã nêu trên, các KTTB khác cũng đang được đưa vào sản xuất:

— Sản xuất tinh cọng rạ ở trâu đã thành công ở Trung tâm nghiên cứu trâu và đồng cỏ Sông Bé.

— Xử dụng bột lá keo dậu, bột cỏ để nâng cao chất lượng trứng thương phẩm và trứng ấp.

— Kỹ thuật sử dụng thức ăn để loại trừ nấm mốc Aflatoxin để chăn nuôi vịt.

— Vật lông ngỗng trong thời gian chờ để để nâng cao hiệu quả kinh tế.

— Kỹ thuật chăn nuôi bò sữa trong cơ chế khoán về gia đình.

Thức ăn bổ sung đạm và Vitamin để nuôi gia súc, gia cầm.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Đề TBKT chăn nuôi góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi của nước ta phát triển, đối tượng đa số cần phải được quan tâm áp dụng là địa bàn nông thôn, nơi chiếm 96,7% tổng giá

trị sản phẩm ngành chăn nuôi và 98,6% lao động tư nhân.

2. Phải kết hợp hài hòa giữa tập quán, thị hiếu, cơ chế thị trường. Đặc biệt là thị trường tiêu thụ sản phẩm để thúc đẩy các kết quả nghiên cứu thành TBKT nhanh đưa được vào sản xuất.

3. Đầu tư, thường xuyên ổn định và cố chính sách ổn định hệ thống giống, (nhất là giống gốc), từ đó ổn định và hoàn thiện các đầu mối sản xuất tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành ở khâu cuối cùng.

4. Nhà nước có kế hoạch đầu tư TBKT vào miền núi phía Bắc để có sản phẩm chăn nuôi cung cấp cho thị trường biên giới.

5. Nhà nước đầu tư cho sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu, như có chính sách bảo hộ thị trường trong nước và bảo hộ xuất khẩu để khuyến khích chăn nuôi trong nước và từ đó khuyến khích áp dụng các KTTB.

6. Thú y là một yếu tố quan trọng cực kỳ của chăn nuôi. Trong chính sách mới chống bao cấp, nhiều loại thuốc thú y trở lên không có thị trường, gây ứ đọng, dịch bệnh phát triển mà dân không mua. Tình hình này gây thiệt hại sản phẩm xã hội rất lớn.

Đề nghị có một số bệnh: nhiệt thân, dịch tả lợn, trâu, bò, vịt, dịch tan thành gà, 3 loại bệnh này nếu không được phòng ngừa thường xuyên sẽ gây thiệt hại lan rộng. Đề giúp cho sản xuất chăn nuôi ổn định, đề nghị Nhà nước nên có chính sách bảo hộ để khuyến khích sử dụng vacxin trên.

7. Khuyến khích chế biến thức ăn hỗn hợp để chăn nuôi gà công nghiệp, chăn nuôi lợn có tỷ lệ nạc cao ở vùng nông thôn (bằng cách miễn thuế hoặc miễn nộp ngân sách). Đây là vùng đất trống đang có nhiều tiềm năng cần được khai thác.

Nhà nước có chính sách khuyến khích áp dụng KTTB để phát triển chăn nuôi vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng, đặc biệt đối với chăn nuôi vịt và chăn nuôi lợn.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh

BÀN GÓP THÊM...

ngiệp, bộ trưởng... cũng có thể xác định yêu cầu tương tự như vậy. Còn với chức danh phó giám đốc thì không nhất thiết, ví dụ phó giám đốc kỹ thuật nhất thiết phải là cán bộ kỹ thuật giỏi. Phó giám đốc kinh doanh phải là cán bộ quản lý kinh tế giỏi, còn kiến thức chuyên môn thứ hai nếu chưa có cũng chưa phải ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ công việc.

Dựa vào yêu cầu tiêu chuẩn nghiệp vụ công tác để bố trí sử dụng cán bộ; thực hiện nhiệm vụ đào tạo thêm, bồi dưỡng cho những cán bộ

đương chức mà còn thiếu phần kiến thức cần thiết so với yêu cầu. Việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ vừa phải do cơ quan quản lý sử dụng tiến hành, vừa do bản thân người cán bộ phải thường xuyên tự thực hiện. Nếu mọi yêu cầu cần thiết của công tác cán bộ, được thực hiện nghiêm túc thì chắc chắn đội ngũ cán bộ của chúng ta sẽ thực mạnh và mọi công việc của đơn vị, của ngành, của đất nước sẽ đều được xúc tiến thuận lợi đúng với yêu cầu cần thiết.

Biên tập: Kim Oanh